

Số 12 /TB-ĐHNH-KTĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần học kỳ 1 (đợt 2) năm học 2023-2024  
Hệ ĐH chính quy chuẩn, ĐH chất lượng cao, ĐH quốc tế song bằng

| STT | MSSV         | Họ và tên         |       | Học phần                        | Lớp học phần | Điểm trước phúc khảo | Điểm sau phúc khảo |
|-----|--------------|-------------------|-------|---------------------------------|--------------|----------------------|--------------------|
| 1   | 030139230003 | Dương Hoài        | An    | Toán cáo cấp 2                  | D09          | 0.8                  | 0.8                |
| 2   | 030138220001 | Lê Mai Vân        | An    | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06          | 7.6                  | 8.0                |
| 3   | 030437210050 | Bùi Phúc          | Anh   | Biên dịch thương mại Anh - Việt | D04          | 7.7                  | 7.7                |
| 4   | 050609211842 | Phan Huy          | Bảo   | Hành vi tổ chức                 | L27          | 7.6                  | 8.0                |
| 5   | 050609211842 | Phan Huy          | Bảo   | Quản trị chuỗi cung ứng         | L27          | 7.6                  | 7.6                |
| 6   | 030138220035 | Phạm Nguyễn Thanh | Bình  | Tiếng anh chuyên ngành 1        | D13          | 7.8                  | 7.8                |
| 7   | 030238220017 | Lê Tuấn           | Cường | Kinh tế lượng                   | D10          | 7.0                  | 7.0                |
| 8   | 050609211860 | Ngô Minh          | Cường | Hành vi tổ chức                 | L27          | 8.2                  | 8.4                |
| 9   | 030138220074 | Mai Thành         | Đạt   | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D07          | 8.4                  | 8.8                |
| 10  | 050611230207 | Đinh Tiến         | Đức   | Toán cáo cấp 1                  | L33          | 4.5                  | 4.5                |
| 11  | 120603210245 | Lê Anh            | Đức   | Anh văn chuyên ngành 1          | K3D2         | 7.3                  | 8.3                |
| 12  | 120603210245 | Lê Anh            | Đức   | Tài chính doanh nghiệp          | K3D2         | 6.0                  | 5.5                |
| 13  | 050610220860 | Nguyễn Ngọc       | Dung  | Kinh tế lượng                   | L16          | 6.5                  | 6.5                |
| 14  | 050609211869 | Nguyễn Minh       | Dũng  | Hành vi tổ chức                 | L27          | 7.6                  | 8.2                |

|    |              |                    |       |                                            |     |     |            |
|----|--------------|--------------------|-------|--------------------------------------------|-----|-----|------------|
| 15 | 050610220869 | Ngô Hoàng Khánh    | Duy   | Kinh tế lượng                              | L08 | 4.3 | 4.3        |
| 16 | 030138220084 | Nguyễn Trường      | Giang | Logic ứng dụng trong kinh doanh            | D07 | 8.4 | <b>9.2</b> |
| 17 | 030837210088 | Nguyễn Trường      | Giang | Thương mại trên mạng xã hội                | D02 | 5.3 | 5.3        |
| 18 | 050610220140 | Nguyễn Thị Ngọc    | Hà    | Tư tưởng Hồ Chí Minh                       | L32 | 7.8 | 7.8        |
| 19 | 030138220093 | Nguyễn Thị Thanh   | Hà    | Logic ứng dụng trong kinh doanh            | D06 | 7.6 | <b>8.4</b> |
| 20 | 030337210087 | Huỳnh Nhật         | Hạ    | Tiếng anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh | D04 | 8.3 | 8.3        |
| 21 | 050610220921 | Nguyễn Dương Tuyết | Hân   | Kinh tế lượng                              | L17 | 6.5 | 6.5        |
| 22 | 030338220033 | Tiêu Anh           | Hào   | Marketing số                               | D01 | 7.6 | 7.6        |
| 23 | 030138220123 | Lê Thị Thúy        | Hiền  | Thuế                                       | D02 | 8.5 | 8.5        |
| 24 | 050609210412 | Dương Minh         | Hiếu  | Hành vi tổ chức                            | L22 | 9.0 | <b>9.6</b> |
| 25 | 030739230052 | Thị                | Huệ   | Kinh tế vi mô                              | D05 | 0.6 | 0.6        |
| 26 | 050610220196 | Lê Gia Ngọc        | Hùng  | Kế toán tài chính                          | L36 | 2.8 | 2.8        |
| 27 | 050611230410 | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Hương | Toán cao cấp 1                             | L40 | 3.5 | 3.5        |
| 28 | 050610220206 | Trần Lê Gia        | Huy   | Tiếng Anh: Đọc-Viết 5                      | L30 | 2.3 | 2.3        |
| 29 | 050610220988 | Lê Quốc            | Khánh | Kinh tế lượng                              | L22 | 6.3 | 6.3        |
| 30 | 050609210545 | Ninh Gia           | Khánh | Đầu tư tài chính                           | L10 | 5.0 | 5.0        |
| 31 | 030139230161 | Nguyễn Hồng        | Kiên  | Toán cao cấp 2                             | D14 | 2.5 | 2.5        |
| 32 | 030138220182 | Đào Ngọc           | Kim   | Logic ứng dụng trong kinh doanh            | D06 | 8.4 | <b>9.2</b> |
| 33 | 030138220198 | Nguyễn Thị Mai     | Linh  | Logic ứng dụng trong kinh doanh            | D06 | 7.6 | <b>8.4</b> |
| 34 | 030838220108 | Nguyễn Thị Thùy    | Linh  | Kinh tế lượng                              | D12 | 7.8 | 7.8        |

|    |              |                  |        |                                      |     |     |            |
|----|--------------|------------------|--------|--------------------------------------|-----|-----|------------|
| 35 | 030139230186 | Lê Thành         | Lợi    | Toán cao cấp 2                       | D09 | 1.0 | 1.0        |
| 36 | 050609212034 | Nguyễn Quỳnh     | Mai    | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam       | H01 | 6.0 | 6.0        |
| 37 | 050610220326 | Âu Kim           | Ngân   | Phân tích dữ liệu kế toán với python | L38 | 3.0 | 3.0        |
| 38 | 050610221106 | Diệp Ngọc Bảo    | Ngân   | Kinh tế lượng                        | L12 | 1.8 | 1.8        |
| 39 | 030138220239 | Đỗ Thị Kim       | Ngân   | Logic ứng dụng trong kinh doanh      | D06 | 8.0 | <b>8.8</b> |
| 40 | 050610221119 | Phan Thanh       | Ngân   | Kinh tế lượng                        | L15 | 4.8 | 4.8        |
| 41 | 050610221122 | Võ Bích          | Ngân   | Kinh tế lượng                        | L14 | 6.8 | 6.8        |
| 42 | 050610221149 | Võ Duy           | Nguyên | Kinh tế lượng                        | L18 | 6.0 | 6.0        |
| 43 | 030138220268 | Lê Thị Minh      | Nguyệt | Thuế                                 | D02 | 7.8 | 7.8        |
| 44 | 030138220272 | Nguyễn Thị Thanh | Nhã    | Logic ứng dụng trong kinh doanh      | D06 | 9.2 | <b>9.6</b> |
| 45 | 050610220394 | Lê Thị Ngọc      | Nhi    | Kinh tế lượng                        | L12 | 2.3 | 2.3        |
| 46 | 030138220281 | Lê Yên           | Nhi    | Logic ứng dụng trong kinh doanh      | D06 | 8.0 | <b>8.4</b> |
| 47 | 030138220291 | Nguyễn Trần Tâm  | Như    | Logic ứng dụng trong kinh doanh      | D06 | 8.8 | <b>9.6</b> |
| 48 | 030138220299 | Trần Thị Quỳnh   | Như    | Thuế                                 | D01 | 5.5 | 5.5        |
| 49 | 050610220436 | Võ Thị Huỳnh     | Như    | Kế toán tài chính                    | L16 | 6.8 | 6.8        |
| 50 | 050609212145 | Ngô Như          | Phương | Hành vi tổ chức                      | L22 | 7.6 | <b>8.2</b> |
| 51 | 050609212154 | Vũ Hữu Minh      | Quân   | Hành vi tổ chức                      | L26 | 7.0 | <b>7.4</b> |
| 52 | 050609212156 | Trương Phú       | Quý    | Hành vi tổ chức                      | L26 | 6.2 | <b>6.4</b> |
| 53 | 050610220513 | Huỳnh Thanh      | Son    | Phương pháp nghiên cứu khoa học      | L36 | 6.5 | 6.5        |
| 54 | 050610220528 | Võ Nhật          | Tân    | Kinh tế lượng                        | L08 | 4.8 | 4.8        |

|    |              |                    |       |                                 |     |     |             |
|----|--------------|--------------------|-------|---------------------------------|-----|-----|-------------|
| 55 | 050609211297 | Phạm Văn           | Thắng | Đầu tư tài chính                | L10 | 6.0 | 6.0         |
| 56 | 050610221303 | Châu Nguyễn Phương | Thanh | Kinh tế học quốc tế             | L01 | 3.3 | 3.3         |
| 57 | 030337210220 | Trương Mai Thanh   | Thi   | Truyền thông marketing tích hợp | D02 | 7.5 | 7.5         |
| 58 | 050610220564 | Huỳnh Quang        | Thịnh | Kinh tế lượng                   | L09 | 5.5 | 5.5         |
| 59 | 030138220388 | Lê Nguyễn Bảo      | Thư   | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 7.2 | <b>7.6</b>  |
| 60 | 030338220139 | Võ Minh            | Thư   | Kỹ thuật ra quyết định          | D01 | 7.6 | 7.6         |
| 61 | 050609212223 | Vũ Thái Phương     | Thùy  | Chủ nghĩa xã hội khoa học       | L29 | 7.8 | 7.8         |
| 62 | 050609212223 | Vũ Thái Phương     | Thùy  | Hành vi tổ chức                 | L27 | 8.0 | <b>8.2</b>  |
| 63 | 030138220405 | Nguyễn Thị Giáng   | Tiên  | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 8.0 | <b>8.4</b>  |
| 64 | 050611231334 | Đoàn Tuệ           | Trân  | Toán cao cấp 1                  | L33 | 6.0 | 6.0         |
| 65 | 030437210221 | Nguyễn Lê Thùy     | Trang | Ngữ nghĩa học                   | D04 | 7.6 | 7.6         |
| 66 | 030138220427 | Phạm Thanh         | Trang | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 8.4 | <b>8.8</b>  |
| 67 | 030339230169 | Trần Thị Thu       | Trang | Toán cao cấp 1                  | D08 | 3.5 | 3.5         |
| 68 | 030138220440 | Nguyễn Minh        | Trí   | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 9.2 | <b>10.0</b> |
| 69 | 030138220440 | Nguyễn Minh        | Trí   | Tin học ứng dụng                | D15 | 6.7 | 6.7         |
| 70 | 050609212297 | Trần Phạm Thanh    | Trúc  | Hành vi tổ chức                 | L22 | 7.2 | <b>7.6</b>  |
| 71 | 030238220292 | Trương Gia         | Tuệ   | Kinh tế lượng                   | D11 | 7.0 | 7.0         |
| 72 | 050610221508 | Võ Thị Ngọc        | Tuyền | Kinh tế lượng                   | L18 | 6.5 | 6.5         |
| 73 | 050611231511 | Nguyễn Phương      | Uyên  | Quản trị học                    | L39 | 7.2 | 7.2         |
| 74 | 030138220473 | Phạm Nguyễn Gia    | Uyên  | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D07 | 7.6 | <b>8.4</b>  |

|    |              |                  |      |                                 |     |     |             |
|----|--------------|------------------|------|---------------------------------|-----|-----|-------------|
| 75 | 050610220708 | Tạ Mai           | Uyên | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | L39 | 6.5 | 6.5         |
| 76 | 030138220488 | Dương Quốc       | Việt | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 8.8 | <b>9.6</b>  |
| 77 | 030138220504 | Nguyễn Ngọc Thảo | Vy   | Logic ứng dụng trong kinh doanh | D06 | 9.2 | <b>10.0</b> |
| 78 | 050611231609 | Trần Thị Hà      | Vy   | Toán cao cấp 1                  | L35 | 5.0 | <b>10.0</b> |
| 79 | 030737210189 | Trần Thị Tường   | Vy   | Luật chứng khoán                | D01 | 8.0 | 8.0         |
| 80 | 030538220154 | Trần Thị Như     | Ý    | Kiểm toán căn bản               | D02 | 5.3 | 5.3         |

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Huỳnh Đỗ Bảo Châu**